

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2020.

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1443/2020/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị O**, sinh năm 1980;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 15, Khu phố L, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú hiện nay: số nhà 62/10, Khu B, ấp 5, xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Tăng D**, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Tổ 15, Khu phố L, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

(Bà O và ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Ngô Thị O trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Tăng D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001 do cả hai cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là phường T, thành phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2001, quyền 1/2001 ngày 16/3/2001).

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc và có 02 người con chung, nhưng sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà O trình bày là do ông D thường xuyên nhậu nhẹt và có những lời nói xúc phạm bà, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tôn trọng lẫn nhau, bản thân bà nhiều lần tạo cơ hội cho ông D sửa đổi nhưng ông D vẫn không thay đổi, nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông D, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung gồm Nguyễn Hoài Quỳnh Th, sinh ngày 19/02/2002 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/7/2009. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Nguyễn Thanh T, tuy nhiên nguyện vọng của cháu T lại muốn được ở với cha, nên bà đồng ý giao cháu T cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; tạm thời bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông D không yêu cầu. Hiện nay, con Nguyễn Hoài Quỳnh Th đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

** Theo bản tự khai và lời khai của bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Tăng D trình bày:*

Về thời gian kết hôn và chung sống vợ chồng đúng như bà O trình bày. Trong quá trình chung sống đến nay, ông xác định vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng; bản thân ông cũng thừa nhận ông có lỗi với vợ do ông nhậu nhẹt mà dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau và có những lời lẽ không hay. Thời gian gần đây, vợ chồng lại nảy sinh những mâu thuẫn về tình cảm do hiểu lầm nhau, việc này ông đã nhận ra lỗi lầm của mình và xin lỗi vợ bỏ qua. Nay ông nhận thấy vẫn còn tình cảm với bà O nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung gồm Nguyễn Hoài Quỳnh Th, sinh ngày 19/02/2002 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/7/2009. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T vì nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với cha; còn cháu Th đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tạm thời ông không yêu cầu bà O phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng.

Việc tuân theo pháp luật của các bên đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Ngô Thị O, giải quyết cho bà O được ly hôn với ông Nguyễn Tăng D.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/02/2009 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Con chung Nguyễn Hoài Quỳnh Th, sinh ngày 19/7/2002 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông D không yêu cầu, nên tạm thời bà O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà O và ông D đề khai không có, nên không xem xét.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà Ngô Thị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Ngô Thị O xin ly hôn với ông Nguyễn Tăng D, cư trú tại: Tổ 15, Khu phố L, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn bà Ngô Thị O và bị đơn ông Nguyễn Tăng D, cả hai đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, bà Ngô Thị O và ông Nguyễn Tăng D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã T, huyện L (nay là phường T, thành phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai (*Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2001, quyển 1/2001 ngày 16/3/2001*). Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai thừa nhận của bà O, ông D và kết quả xác minh tại địa phương, đã có đủ cơ sở khẳng định trong quá trình vợ chồng bà O, ông D chung sống có xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng và cho đến nay đã trở lên gay gắt, trầm trọng là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà O trình bày là do ông D thường xuyên không tôn trọng bà, nên vợ chồng đã sống ly thân; tại Tòa án ông D cũng thừa nhận ông có lỗi với vợ do ông nhậu nhẹt mà dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau và có những lời lẽ không hay, thời gian gần đây thì vợ chồng lại nảy sinh những mâu thuẫn về tình cảm do hiểu lầm nhau và ông xin lỗi vợ bỏ qua. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải và vận động, thuyết phục bà O bỏ qua những mâu thuẫn của vợ chồng trước đây, tạo cơ hội cho ông D có thêm thời gian sửa đổi nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà O xác định không còn tình cảm với ông D nên bà O vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, do đó việc hòa giải đoàn tụ không thành.

Từ những cơ sở trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà O, ông D đến nay đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O, giải quyết cho bà O được ly hôn với ông D để trả tự do cả hai.

[3] Về con chung: Có 02 con chung gồm Nguyễn Hoài Quỳnh Th, sinh ngày 19/02/2002 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/7/2009.

Xét thấy, con chung Nguyễn Hoài Quỳnh Th hiện nay đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bà O xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Nguyễn Thanh T, tuy nhiên qua thu thập lời khai của cháu T thì nguyện vọng của cháu xin được ở với cha, nên bà O đồng ý giao cháu T cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông D cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Tùng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Nguyễn Thanh T cho ông D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông D hiện nay không yêu cầu, nên tạm thời bà O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà O không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông D trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung, bà O và ông D tự nguyện thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: bà O và ông D đều xác định không có.

[5] Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Ngô Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa trình bày tại phiên tòa. Xét thấy, phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Ngô Thị O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị O được ly hôn với ông Nguyễn Tăng D.

2. Về con chung: Có 02 con chung gồm Nguyễn Hoài Quỳnh Th, sinh ngày 19/02/2002 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/7/2009.

Hiện nay, con chung Nguyễn Hoài Quỳnh Th đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thanh T cho ông Nguyễn Tăng D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời bà Ngô Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ngô Thị O không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Tăng D trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Ngô Thị O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0009528 ngày 22/6/2020.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị O và ông Nguyễn Tăng D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đường sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

